

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2020/DS-ST

Ngày: 15-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Ngọc Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Ông Võ Hùng Dương.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký  
Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 296/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐXXST-DS ngày 29/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-DS ngày 20/11/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị S, sinh năm 1957; địa chỉ: Số M, đường N, tổ N, khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Q, đường ĐX S, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Lô Q, ô F, Khu biệt thự vườn C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Theo Đơn khởi kiện ngày 25/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị S trình bày như sau:*

Do bà Hoàng Thị P là bạn của bà, bà P có dẫn bà Nguyễn Thị N đến nhà của bà, để hỏi vay tiền vào mục đích kinh doanh. Cụ thể bà S đã cho bà Nguyễn Thị N vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 11/7/2018, bà S cho bà N vay 150.000.000 đồng, thời gian vay là trong vòng 03 tháng, bà N sẽ trả lại cho bà S, khoản vay này không có thỏa thuận lãi.

Lần 2: Ngày 15/7/2018, bà S cho bà N vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay là khi nào bà S cần thì bà sẽ báo trước cho bà N 01 tháng, khoản vay này không có thỏa thuận lãi.

Lần 3: Ngày 16/7/2018, bà S cho bà N vay 100.000.000 đồng, thời gian vay là 01 tháng, khoản vay này không có thỏa thuận lãi.

Lần 4: Ngày 23/12/2019, bà S cho bà N vay 50.000.000 đồng, thời gian vay là hết năm 2020 sẽ trả lãi cho tôi, trong giấy vay này bà N có ghi mỗi tháng tính lãi 5% cho bà S, nhưng bà N không trả lãi cho bà S.

Lần 5: Ngày 27/3/2020, bà S cho bà N vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tuần lễ sẽ trả cho S, khoản vay này cũng không có thỏa thuận lãi.

Tổng cộng, bà Cao Thị S đã cho bà Nguyễn Thị N vay 460.000.000 đồng.

Tất cả các giấy vay tiền đều là do bà N viết. Bà S yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền vay trên, nhưng bà N không thực hiện. Đến ngày 12/3/2020, bà N có viết giấy hẹn cho bà S cuối tháng 3/2020, sẽ trả 50.000.000 đồng, nhưng bà N cũng không thanh toán cho bà S. Từ khi bà N vay tiền thì bà N chỉ trả tiền lãi cho bà S với số tiền 10.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả cho nguyên đơn số tiền gốc 460.000.000 đồng và tính lãi đối với các khoản vay trên theo quy định của pháp luật, kể từ ngày cho vay đến khi xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền 10.000.000 đồng, bà đã nhận thì bà đồng ý khấu trừ số tiền này vào trong số tiền lãi.

2. Bị đơn là bà Nguyễn Thị N: Đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện cũng như đến tham gia các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án, nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu nhận xét về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị N, nhưng bà N vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị S là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 11/7/2018, ngày 15/7/2018, ngày 16/7/2018, ngày 23/12/2019 và ngày 27/3/2020, giữa bà S và bà N đã xác lập “Giấy mượn tiền”.

Thực chất của các giấy mượn tiền trên là hợp đồng vay tài sản, tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thể hiện trong hợp đồng không trái pháp luật. Do đó, các hợp đồng nêu trên đã phát sinh hiệu lực buộc các bên phải tuân thủ thực hiện. Khi đến hạn thanh toán nhưng bà Nguyễn Thị N không thanh toán cho bà S. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu bà N phải thanh toán khoản vay trên là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi của bà S đối với bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Khoản vay ngày 11/7/2018: Vay 150.000.000 đồng, thời gian vay 03 tháng. Do đó, việc tính lãi được xác định như sau: 12/10/2018 đến ngày 15/12/2020 (ngày xét xử sơ thẩm): 150.000.000 đồng x 25 tháng 03 ngày x 10%/năm (0,83%/tháng)= 31.249.500 đồng.

- Khoản vay ngày 15/7/2018: Vay 150.000.000 đồng. Khoản vay trên là khoản vay không thời hạn và không có lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Ngày 25/6/2020, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện. Ngày 22/7/2020 Tòa án thụ lý vụ án. Ngày 22/7/2020, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ

lý vụ án. Do đó, thời gian hợp lý được tính lãi ngày 22/9/2020 (sau 02 tháng), kể từ ngày Tòa án tiến hành niêm thông báo thụ lý vụ án tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/12/2020) là 02 tháng 23 ngày. Do đó, việc tính lãi được xác định như sau:  $150.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} \times 0,83\% \text{ tháng} = 3.444.500 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay ngày 16/7/2018: Vay 100.000.000 đồng, thời gian vay 01 tháng. Do đó, việc tính lãi được xác định như sau: 17/8/2018 đến ngày 15/12/2020 (ngày xét xử sơ thẩm):  $100.000.000 \text{ đồng} \times 27 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} (0,83\%/\text{tháng}) = 23.184.000 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay ngày 23/02/2019: Vay 50.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi 5%, nhưng bị đơn không thanh toán tiền lãi. Do đó, việc tính lãi được xác định như sau: 23/12/2019 đến ngày 15/12/2020 (ngày xét xử sơ thẩm):  $50.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} \times 1,66\%/\text{tháng} = 9.766.000 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay ngày 27/3/2020: Vay 10.000.000 đồng. Thời gian vay 01 tuần, không thỏa thuận lãi suất. Do đó, việc tính lãi được xác định như sau: Ngày 04/4/2020 đến ngày 15/12/2020 (ngày xét xử sơ thẩm):  $10.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 453.000 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi:  $31.249.500 \text{ đồng} + 3.444.500 \text{ đồng} + 23.184.000 \text{ đồng} + 9.766.000 \text{ đồng} + 453.000 \text{ đồng} = 68.096.500 \text{ đồng}$ .

Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán số tiền lãi cho nguyên đơn với số tiền 10.000.000 đồng, nguyên đơn cũng đồng ý trừ số tiền này vào số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn. Vì vậy, cần khấu trừ số tiền này vào số tiền lãi mà không khấu trừ vào số tiền gốc mà nguyên đơn đã cho bị đơn vay:  $68.096.500 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} = 58.096.500 \text{ đồng}$ .

Do vậy, tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán như sau:  $460.000.000 \text{ đồng} + 58.096.500 \text{ đồng} = 518.096.500 \text{ đồng}$ .

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị S được chấp nhận, nên bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều: 463, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” như sau:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Cao Thị S số tiền 518.096.500 đồng (trong đó: 460.000.000 đồng tiền gốc và 58.096.500 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 14.362.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thị Ngọc Hương**

